TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHU VỰC 7 – HƯNG YÊN	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2026/HSST

Ngày: 27/5/2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Hồng Thiêm và bà Vũ Thị Thúy.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hoàn - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Viết H - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 79/2026/TLST-HS ngày 13 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2026/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2026 đối với:

* Bị cáo: **Phạm Minh Đ**, sinh ngày 23/8/2007, nơi cư trú: thôn K, xã Đ, tỉnh Hưng Yên; căn cước công dân số 034207015907; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Công nhân; con ông Phạm Tiến Đ1 và bà Vũ Thị H1; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. *Triệu tập có mặt tại phiên tòa.*

* Người bào chữa cho bị cáo: Ông Vũ Ngọc T – Trợ giúp viên pháp lý, Trung Tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H *(có mặt).*

* *Bị hại:* Ông Nguyễn Huy L, sinh năm 1972; địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, tỉnh Hưng Yên *(đã chết).*

* *Đại diện theo pháp luật của bị hại:*

+ Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1977; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Hưng Yên (vợ ông L), *(vắng mặt).*

+ Anh Nguyễn Huy S, sinh năm 1999; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Hưng Yên (con trai ông L), *(vắng mặt).*

+ Chị Nguyễn Huy Nhật A, sinh năm 2008; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Hưng Yên (con gái ông L), *(vắng mặt).*

+ Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1933; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Hưng Yên (mẹ đẻ ông L), *(vắng mặt).*

Đại diện theo ủy quyền của những người đại diện theo pháp luật của bị hại: Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1977; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Hưng Yên *(vắng mặt).*

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm Văn T1, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn V, xã H, tỉnh Hưng Yên (*vắng mặt*)

* *Người làm chứng:* Ông Đặng Văn H3, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn V, xã H, tỉnh Hưng Yên (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 37 phút ngày 24/11/2025, Đ điều khiển mô tô biển kiểm soát 17F3-1039 đi hướng xã Đ đi xã H, khi đến K+200 Quốc lộ C thuộc địa phận thôn T, xã Đ, tỉnh Hưng Yên thì xảy ra tai nạn. Hiện trường được tính theo chiều từ xã Đ đi xã H. Đây là đoạn đường thẳng được rải nhựa áp phan tương đối bằng phẳng rộng 14,35 mét, được chia làm hai chiều đi riêng biệt, chiều xã Đ đi xã H và chiều ngược lại, được phân chia bằng vạch sơn màu vàng kẻ nét đứt chạy dọc theo tim đường, mỗi vạch sơn rộng 0,15 mét, dài 2,00 mét, khoảng cách giữa hai vạch sơn là 4 mét và có đặt hệ thống đinh phản quang chạy dọc theo tim đường; mỗi chiều đi được chia thành hai làn đường, ngăn cách bởi vạch sơn màu trắng kẻ nét đứt, mỗi vạch sơn đo rộng 0,15 mét, dài 2 mét, khoảng cách giữa hai vạch sơn là 6 mét. Chiều xã Đ đi xã H, làn giáp tim đường rộng 3,35 mét, làn giáp lề đường rộng 1,80 mét, tiếp đến là lề đường đất cỏ mọc và sông nhỏ, trên lề đường này có đặt biển cảnh báo nguy hiểm giao nhau với đường không ưu tiên (W207c) và biển báo nguy hiểm đi chậm (W245a). Chiều xã H đi xã Đ, làn đường giáp tim đường rộng 3,35 mét, làn tiếp theo rộng 2,05 mét, làn tiếp giáp lề đường là đoạn đường được mở rộng đo 3,20 mét, tiếp đến là cống thoát nước được đổ bê tông thấp hơn mặt đường 0,05 mét, tiếp đến là cây xăng Tân Thịnh H4 và có đường nhánh đi vào xã N, trên lề đường này có đặt cột Km 71+300. Lúc này trời tối, các phương tiện đã bật đèn chiếu sáng, đường khô ráo, mật độ giao thông bình thường, Đ điều khiển xe mô tô đi với tốc độ khoảng 40-50 km/h đi ở phần đường bên phải theo chiều đi và đi giáp với tim đường. Do khi đến khu vực giao nhau với đường không ưu tiên, Đ không giảm tốc độ và không giữ khoảng cách để đảm bảo an toàn với xe mô tô biển kiểm soát 48F2-4979 do ông Nguyễn Huy L điều khiển đi phía trước cùng chiều nên phần đầu bên phải xe mô tô của Đ đã va chạm với phần phía sau bên trái xe mô tô ông L điều khiển làm xe mô tô của ông L lao về phía trước bên phải, đổ xuống bờ sông còn ông L ngã nằm bất động trên phần đường giành cho xe cơ giới bên phải giáp với tim đường theo chiều đi. Xe mô tô của Đ điều khiển và Đ đổ, ngã xuống làn đường bên trái giáp lề đường theo chiều đi. Ngay lúc này xe ô tô biển kiểm soát 17A-545.14 do ông Phạm Văn T1 điều khiển đi cùng chiều với tốc độ khoảng 30 km/h từ phía sau đi đến, do trời tối, khoảng cách gần không phát hiện thấy ông L bị ngã nằm trên đường nên bánh xe ô tô bên phải trục II xe ô tô ông T1 điều khiển đè lên người ông L làm ông L chết tại hiện trường.

Tại Kết luận giám định tử thi số 1773/KLGĐTT-KTHS ngày 11/12/2025 của Phòng K - Công an tỉnh H kết luận tử thi ông Nguyễn Huy L: Toàn bộ vùng đầu, mặt biến dạng; Trên tử thi có các vết sây sát da, trợt da, rách da, tụ máu tại vùng đầu, mặt, cổ, ngực, lưng, tay và chân. Gẫy toàn bộ các xương vùng mặt; Gãy

03 xương sườn bên trái; Gẫy 08 xương sườn bên phải; Vỡ xương bả vai phải; Gãy xương đòn phải. Vỡ toác nát toàn bộ xương hộp sọ, thoát gần hoàn toàn tổ chức não ra ngoài. Ông L chết do chấn thương sọ não và đa chấn thương.

* Bản cáo trạng số 39A/CT-VKS-KV7 ngày 10/4/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên truy tố bị cáo Phạm Minh Đức về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

* Các vấn đề khác:

+ Hành vi của ông Phạm Văn T1 điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 17A-545.14 đè lên người ông Nguyễn Hữu L2 làm ông L2 bị chết. Xét thấy ông T1 điều khiển xe ô tô đi đúng tốc độ, đúng phần đường và khi bị cáo Đ gây tai nạn làm ông L2 ngã xuống đường bị thương nằm bất tỉnh thì đúng thời điểm ông T1 điều khiển xe ô tô đi đến không nhìn thấy ông L2 trên đường nên xe ô tô ông T1 điều khiển đã đè lên người ông L2, trong trường hợp này ông T1 không thể thấy trước và không buộc phải thấy trước hậu quả về hành vi của mình. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H xác định đây là sự kiện bất ngờ và căn cứ Điều 20 Bộ luật Hình sự không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với ông T1.

+ Đối với bị can Phạm Minh Đức, sau khi gây tai nạn với xe mô tô ông L2 điều khiển làm ông L2 ngã xuống đường và ngay lúc đó xe ô tô ông T1 điều khiển đi đến đè lên người ông L2 làm ông L2 bị vỡ đầu, thời điểm Đ phạm tội ở , vừa sang tuổi trưởng thành nên khi nhìn thấy ông L2 bị xe đè lên vỡ đầu làm tổ chức não và máu bắn ra ngoài bị cáo hoảng sợ dựng xe dậy đi về nhà, sau đó khoảng 22 giờ 50 phút cùng ngày Cơ quan điều tra triệu tập làm việc, bị cáo chấp hành và thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Do vậy bị cáo phạm tội không thuộc trường hợp bỏ chạy để trốn tránh trách nhiệm hoặc cố ý không cứu giúp người bị nạn theo điểm c khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

* Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Minh Đ phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" và đề nghị áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Minh Đ từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện gia đình bị hại không yêu cầu ông T1 và bị cáo Đ phải hỗ trợ, bồi thường thêm nên không đặt ra giải quyết. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

* Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

* Người bào chữa cho bị cáo tranh luận: Bị cáo phạm tội khi vừa bước sang tuổi thành niên, nhận thức chưa hoàn thiện; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

* Đại diện Viện kiểm sát đối đáp: Bị cáo phạm tội khi đã trên 18 tuổi, có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, bị cáo chỉ được áp dụng 01 tình tiết

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và phạm tội rất nghiêm trọng nên không có căn cứ áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự và cho bị cáo được hưởng án treo.

* Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và rất ăn năn hối hận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt những người đại diện theo pháp luật của bị hại bà Nguyễn Thị H2, anh Nguyễn Huy S, chị Nguyễn Huy Nhật A, bà Nguyễn Thị L1; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn T1; người làm chứng ông Đặng Văn H3 nhưng họ đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ vụ án. Việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Minh Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường của Phòng C Công an tỉnh H; Biên bản khám nghiệm phương tiện; Biên bản khám nghiệm tử thi, ảnh tử thi của Phòng K Công an tỉnh H; Lời khai của ông Phạm Văn T1, ông Đặng Văn H3; cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 24/11/2025 tại K+200 Quốc lộ C thuộc địa phận thôn T, xã Đ, tỉnh Hưng Yên, Phạm Minh Đ không có giấy phép lái xe theo quy định, điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 17F3-1039 hướng xã Đ đi xã H, do không quan sát giảm tốc độ và giữ khoảng cách an toàn, đã va chạm với xe mô tô biển kiểm soát 48F2-4979 do ông Nguyễn Huy L điều khiển đi phía trước cùng chiều, làm ông L ngã xuống đường nằm bất tỉnh, ngay sau đó bị xe ô tô biển kiểm soát 17A-545.14 do ông Phạm Văn T1 điều khiển đi phía sau cùng chiều đi tới đè lên người ông L làm ông L chết tại hiện trường.

Hành vi của bị cáo Phạm Minh Đ đã phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 12. Luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ:

1. Người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng phải chấp hành quy định về tốc độ, khoảng cách an toàn tối thiểu với xe phía trước cùng làn đường hoặc phần đường.

...

3. Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải quan sát, giảm tốc độ hoặc dừng lại để bảo đảm an toàn trong các trường hợp sau đây:

...

b) Có báo hiệu cảnh báo nguy hiểm hoặc có chướng ngại vật trên đường;

Điều 260. Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ

...

***2.** Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:*

a) Không có giấy phép lái xe theo quy định;

...

***5.** Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.*

[4] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự, an toàn giao thông. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi điều khiển phương tiện giao thông đường bộ không có giấy phép lái xe theo quy định, không quan sát giảm tốc độ và giữ khoảng cách an toàn, dẫn đến tai nạn giao thông, hậu quả làm ông Nguyễn Huy L tử vong.

[5] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo thuộc hộ cận nghèo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, tuy nhiên Hội đồng xét xử thấy bị cáo chỉ được áp dụng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên không có căn cứ áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự như lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Ông Phạm Văn T1 đã tự nguyện hỗ trợ cho gia đình bị hại số tiền 200.000.000 đồng. Đại diện gia đình bị hại không yêu cầu ông T1 và bị cáo phải hỗ trợ, bồi thường thêm; cần chấp nhận sự tự nguyện của đương sự.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, đại diện theo pháp luật của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Minh Đ phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Minh Đ 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016//UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Phạm Minh Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Bị cáo Phạm Minh Đ có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 27/5/2025.

+ Đại diện theo pháp luật của bị hại bà Nguyễn Thị H2, anh Nguyễn Huy S, chị Nguyễn Huy Nhật A, bà Nguyễn Thị L1; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn T1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Huệ

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Đại diện theo pháp luật của bị hại;
- VKSND khu vực 7 – Hưng Yên;
- TAND - VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Phòng THADS khu vực 7 - Hưng Yên;
- Phòng HSNV Công an tỉnh;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.